

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 1680/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 30/6/2021

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thị Minh

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Nguyễn Thị Quý.
2. Bà Nguyễn Thị Hương.

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Vi Thị Lan – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức tham gia phiên tòa:***  
Bà Ngô Thị Lê - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 544/2020/TLST-HNGĐ ngày 19/6/2020 về “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 3444/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 6 năm 2021 giữa các đương sự:

***- Nguyên đơn:*** Bà Nguyễn Kim T, sinh năm 1980 (Có đơn vắng mặt)

Thường trú: Số A đường B, tổ C, khu phố D, phường E, thành phố F, thành phố Hồ Chí Minh

***- Bị đơn:*** Ông Nguyễn Trọng N, sinh năm 1971 (Có đơn xin vắng mặt)

Thường trú: Số A đường B, tổ C, khu phố D, phường E, thành phố F, thành phố Hồ Chí Minh

Hiện đang chấp hành án tại Trại giam G, đội H, khu I, xã K, huyện L, tỉnh Hà Tĩnh

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình tham gia tố tụng tại toà án, nguyên đơn bà Nguyễn Kim T trình bày:

Bà và ông Nguyễn Trọng N tự nguyện tiến tới hôn nhân, có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 45, quyển số I/2000 do Ủy ban nhân dân phường Linh Trung, quận Thủ Đức (nay là thành phố Thủ Đức), Thành phố Hồ Chí Minh chứng nhận ngày 03/7/2000.

Quá trình chung sống, giữa bà và ông N không hạnh phúc do ông N không quan tâm đến cuộc sống gia đình, vợ chồng thường xuyên cãi vã, mâu thuẫn gia đình trầm

trọng. Hiện hai người đã không còn sống chung với nhau do ông N đang chấp hành án tại trại giam. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu được ly hôn ông N.

- Về con chung: Bà và ông N có 01 người con chưa thành niên tên Nguyễn Bảo T, sinh ngày 28/4/2005, đang do bà T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Bà yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con và không yêu cầu ông N phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Hai bên tự thoả thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

\* Tại biên bản lấy lời khai của đương sự do Toà án nhân dân huyện L, tỉnh Hà Tĩnh lập ngày 12/4/2021, ông Nguyễn Trọng N trình bày:

Ông và bà Nguyễn Kim T có quan hệ vợ chồng, có đăng ký kết hôn nhưng không nhớ rõ thời gian đăng ký. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc. Đến năm 2015, do ông bị đi tù nên vợ chồng không còn sống chung với nhau. Vợ chồng xa cách dẫn đến tình cảm không còn. Nay bà T yêu cầu ly hôn thì ông đồng ý ly hôn.

Về con chung: Ông và bà T có một người con chung chưa thành niên tên Nguyễn Bảo T, sinh ngày 28/4/2005. Ông đồng ý giao con cho bà T được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về tài sản chung: Hai bên tự thoả thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Ông N xin được vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án do đang bị chấp hành án tại trại giam.

\* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Ngoài việc vi phạm thời hạn đưa vụ án ra xét xử, Tòa án đã tiến hành tố tụng từ khi thụ lý cho đến mở phiên tòa đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ và hợp pháp, đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc được ly hôn ông Nguyễn Trọng N; giao con chung chưa thành niên tên Nguyễn Bảo Toàn, sinh ngày 28/4/2005 cho bà T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; Ghi nhận sự tự nguyện của bà T về việc không yêu cầu ông N phải cấp dưỡng nuôi con.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được công khai tại phiên họp về việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, được xem xét tại phiên tòa cùng lời khai của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận định:

[I] Về tố tụng:

Quan hệ tranh chấp trong vụ án là ly hôn. Bị đơn ông Nguyễn Trọng N có hộ khẩu thường trú tại Số A đường B, tổ C, khu phố D, phường E, thành phố F, thành phố Hồ Chí Minh nên tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân quận

Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35 và Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ Luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Bà Nguyễn Kim T, ông Nguyễn Trọng N có đơn xin vắng mặt, không tham gia phiên tòa. Căn cứ theo Khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

**[II] Về nội dung:**

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Kim T và ông Nguyễn Trọng N tự nguyện đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân phường Linh Trung, quận Thủ Đức (nay là thành phố Thủ Đức), Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 45, quyền số I/2000 ngày 03/7/2000. Do đó, căn cứ Luật hôn nhân và gia đình, quan hệ hôn nhân giữa bà T, ông N là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu của nguyên đơn được ly hôn ông N, Hội đồng xét xử nhận thấy: Tình cảm vợ chồng là dựa trên cơ sở của sự tự nguyện, sự nỗ lực vun đắp, xây dựng từ hai phía. Tại bản tự khai, bà T và ông N đều đồng ý việc ly hôn. Việc các bên đồng ý ly hôn là hoàn toàn tự nguyện. Vì vậy, căn cứ Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử công nhận việc thuận tình ly hôn giữa bà T, ông N.

2. Về con chung: Theo tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ cùng lời khai của đương sự thể hiện bà T và ông N có 01 người con chung chưa thành niên tên Nguyễn Bảo T, sinh ngày 28/4/2005. Hiện con đang do bà T là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Bà T có yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con. Tại bản tự khai, trẻ Nguyễn Bảo Toàn trình bày nguyện vọng được ở với mẹ. Ông N cũng không tranh chấp với bà T về quyền được nuôi con nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận việc giao con cho bà T được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Bà T không yêu cầu ông N phải cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của bà T về việc không yêu cầu ông N phải cấp dưỡng nuôi con.

4. Về tài sản chung: Bà T, ông N đều xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết về tài sản chung.

5. Về nợ chung: Bà T, ông N đều xác định không có nên Tòa án không xem xét, giải quyết về nợ chung.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Kim T phải chịu.

*Vì các lẽ trên,*

**QUYẾT ĐỊNH**

- Căn cứ Khoản 1 Điều 28; Điểm a Khoản 1 Điều 35 và Điểm a Khoản 1 Điều 39 Điều 186, Khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều 55, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;

- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008, được sửa đổi, bổ sung năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Kim T.

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa bà Nguyễn Kim T và ông Nguyễn Trọng N.

- Về con chung: Giao con chung chưa thành niên tên Nguyễn Bảo T, sinh ngày 28/4/2005 cho bà Nguyễn Kim T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Kim T về việc không yêu cầu ông Nguyễn Trọng N phải cấp dưỡng nuôi con.

Không bên nào được ngăn cản quyền thăm, chăm, giáo dục con chung. Vì quyền lợi mọi mặt của con, khi cần thiết một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Bà Nguyễn Kim T và ông Nguyễn Trọng N đều xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết vấn đề tài sản chung.

- Về nợ chung: Bà Nguyễn Kim T và ông Nguyễn Trọng N đều xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết về nợ chung.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Án phí ly hôn 300.000 đồng, bà Nguyễn Kim T phải có N vụ nộp, được căn trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng bà Nguyễn Kim T đã nộp theo biên lai thu tiền số 0057254 ngày 19/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Nguyễn Kim T đã thi hành xong nghĩa vụ đóng tiền án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Bà Nguyễn Kim T và ông Nguyễn Trọng N được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tổng đạt hợp lệ bản án.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân TP.HCM;
- Viện KSND thành phố Thủ Đức, Tp.HCM;
- Chi cục THADS thành phố Thủ Đức, Tp.HCM;
- Cơ quan đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN -CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Lê Thị Minh**



































